

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
ĐƯỜNG SÔNG SỐ 4 - NĂM 2025

Bắc Ninh, tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

NỘI DUNG

I. Thông tin chung.

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2300882483 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/3/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18/7/2025.
- Vốn điều lệ: 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Địa chỉ: Đường Huyền Quang, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh
- Số điện thoại: 02223 826 746
- Số fax: 02223 823 366
- Website: www.inwama4.vn

Quá trình hình thành và phát triển:

Tiền thân Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 (Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4) là Đoàn Quản lý đường thủy nội địa số 4 được thành lập 11/7/1964, là đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ngày 03/12/2014 Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 4568/QĐ – BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Đoàn Quản lý đường thủy nội địa số 4, thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thành Công ty cổ phần.

- Ngày 04/02/2015 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có Quyết định số 134/QĐ - CĐTND của về việc cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4.

- Ngày 05/3/2015 Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký doanh nghiệp số: 2300882483 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 05/3/2015; Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 18/7/2025.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

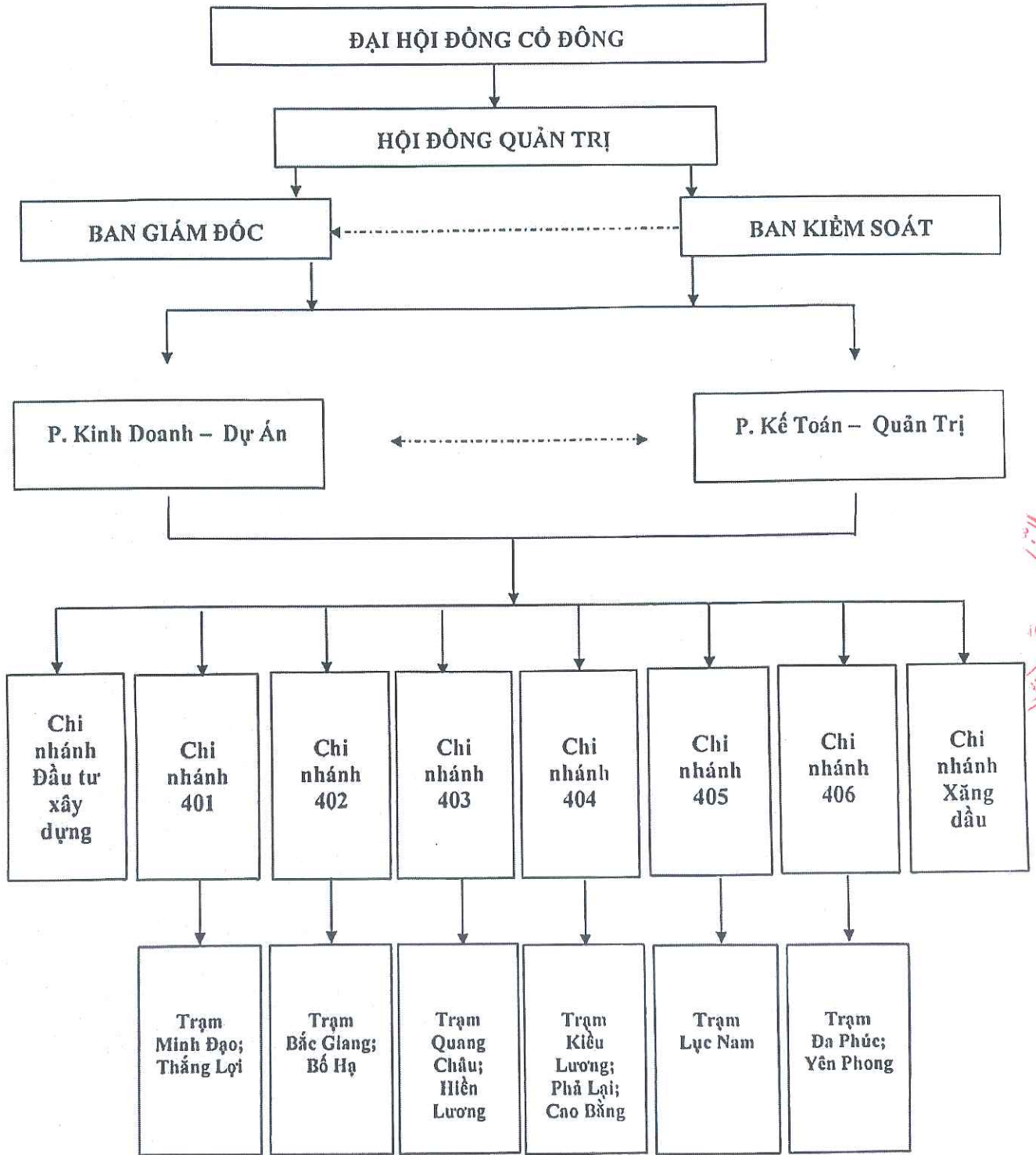
| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy. | 5222 (chính) |
| 2 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 3 | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ | 4210 |
| 4 | Xây dựng công trình công ích | 4220 |
| 5 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 |
| 6 | Phá dỡ | 4311 |
| 7 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 8 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 9 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí | 4322 |
| 10 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | 4329 |
| 11 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 12 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
| 13 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét | 0810 |
| 14 | Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông | 0899 |
| 15 | Đóng tàu và kết cấu nổi | 3011 |
| 16 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 17 | Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan | 4661 |
| 18 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Chi tiết: Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy. | 7110 |
| 19 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy | 3290 |
| 20 | Vận tải hành khách đường thủy nội địa | 5021 |

| | | |
|----|--|---|
| 21 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |
| 22 | Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật). | 7830 |
| 23 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663 |
| 24 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ | 4933 |
| 25 | Sản xuất và phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá | 3530 |
| 26 | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng | 1104 |
| 27 | Mua bán, cho thuê phương tiện đường thủy, đường bộ. Đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện | <i>Ngành, nghề chưa kết nối với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

* Địa bàn kinh doanh: Tập trung tại khu vực Phía Bắc.

38248
NG T
PHÂN
ÁN L
IG S
SỐ 4
BẮC N

3. SƠ ĐỒ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY



Ghi chú:

Quan hệ điều hành: —————>

Quan hệ phối hợp: <----->

Quan hệ giám sát: - - - - ->

3.1. Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, quyết định các vấn đề liên quan:

- Thông qua Điều lệ, sửa đổi bổ sung Điều lệ hoạt động;
- Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thù lao cho thành viên HĐQT, BKS;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm năm;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty quy định.

3.2. Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định:

- Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
- Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, đề xuất mức chi trả cổ tức hàng năm;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương theo chức năng;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng Cổ đông theo quy định;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty quy định.

3.3. Ban kiểm soát:

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty, Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành.

- Kiểm tra giám sát toàn bộ mọi hoạt động trong nội bộ Công ty; báo cáo tài chính năm, các vấn đề kiểm toán, hoạt động của Công ty;
- Hằng năm, trình Đại hội đồng Cổ đông các báo cáo thẩm tra tài chính, những sự kiện tài chính bất thường, những sự kiện có thể tác động xấu đến quyền và lợi ích của Công ty, nêu ra những nhận xét về ưu và khuyết điểm trong quản lý của HĐQT và Giám đốc;
- Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Pháp luật;
- Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ hoạt động của Công ty;



3.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Có trách nhiệm giám sát Giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

3.5. Ban Giám đốc điều hành:

Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, người điều hành hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về các quyết định của mình và kết quả hoạt động kinh doanh. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong Công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, liên doanh liên kết trình Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Các Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc Công ty, điều hành hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực theo sự phân công và ủy quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và Pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Các phòng chức năng:

Các phòng chịu trách nhiệm thực hiện và tham mưu cho Giám đốc các công việc thuộc phạm vi chức năng của Phòng đồng thời phối hợp với các đơn vị trực thuộc của trong việc thực hiện mục tiêu và chiến lược chung của Công ty.

3.6. Các phòng nghiệp vụ:

*** Các phòng:**

- 1.1- Phòng Kế toán – Quản trị;
- 1.2- Phòng Kinh doanh – Dự án;

*** Các đơn vị trực thuộc:**

- | | |
|---|--|
| + Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh Xăng dầu. | + Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh Cơ khí – Công trình. |
| + Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh 401: Trạm Minh Đạo | + Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 - Chi nhánh 402: Trạm Bắc Giang Trạm Bồ Hạ |

+ Công ty cổ phần Quản lý đường
sông số 4 -Chi nhánh 403:
Trạm Hiền Lương
Trạm Quang Châu

+ Công ty cổ phần Quản lý đường
sông số 4 -Chi nhánh 405:
Trạm Lục Nam

+ Công ty cổ phần Quản lý đường
sông số 4 -Chi nhánh 404:
Trạm Kiều Lương
Trạm Cao Bằng
Trạm Phả Lại

+ Công ty cổ phần Quản lý đường
sông số 4 -Chi nhánh 406:
Trạm Đa Phúc
Trạm Yên Phong

*** Mô hình tổ chức bộ máy:**

Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị: 07 người (01 Chủ tịch, 6 thành viên HĐQT)

Ban kiểm soát: 03 người (01 Trưởng ban, 02 thành viên)

Ban Giám đốc: 02 người (01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc)

3.6.1. Phòng Kế toán, quản trị.

1. Chức năng, nhiệm vụ:

1.1. Chức năng:

Tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý, sắp xếp và sử dụng có hiệu quả toàn bộ đội ngũ CB-CNV thuộc phạm vi đã được phân cấp quản lý.

Nghiên cứu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty để đề đạt quy mô tổ chức sản xuất, tổ chức lao động phù hợp, quản lý chặt chẽ, bảo đảm không ngừng tăng năng xuất lao động trong Công ty.

Tổ chức thực hiện tốt chế độ chính sách đã được Nhà nước quy định, đối với người lao động. Phối hợp với tổ chức quần chúng (công đoàn, đoàn thanh niên), tổ chức các phong trào thi đua trong công nhân viên chức, sơ tổng kết khen thưởng kịp thời nhằm động viên hoàn thành nhiệm vụ mà cấp trên giao cho Công ty.

Tổ chức giáo dục CB-CNV nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản và trật tự cơ quan.

Tham gia xây dựng kế hoạch kinh doanh, xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị;

Công tác giao dịch với cơ quan tài chính, quản lý như Kho bạc nhà nước tỉnh Bắc Ninh, Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, các ngân hàng thương mại và các đối tác kinh doanh khác;

Tổ chức hệ thống tài chính kế toán xây dựng giá thành theo quy định, kiểm soát hồ sơ, chứng từ đầu vào, đầu ra, tổ chức bộ máy hạch toán kế toán, chi tiết cho từng bộ phận kế toán.

1.2. Nhiệm vụ:

1.2.1. Quản lý nhân sự:

+ Chủ trì xây dựng kế hoạch sử dụng lao động - tiền lương và quy chế sử dụng lao động, tiền lương, tiền thưởng, kế hoạch BHYT và có những biện pháp thực hiện những kế hoạch đó có hiệu quả tốt nhất.

+ Lập kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nhân viên nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật hàng năm đúng chính sách, chế độ; Tuyển dụng lao động;

+ Tham mưu đề xuất bố trí, điều chuyển, sắp xếp dây truyền lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất, trình độ nhân lực.

+ Quản lý hợp đồng lao động, hồ sơ lao động, bảo hiểm lao động thực hiện công tác Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm khác theo quy định;

1.2.2. Khen thưởng, kỷ luật, chế độ lao động:

+ Tham mưu đề xuất Lãnh đạo và xây dựng quy chế hướng dẫn khen thưởng, kỷ luật, chế độ chính sách đối với người lao động;

+ Chủ trì xây dựng, đề xuất xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng và quy chế sử dụng lao động. Quản lý và giám sát chặt chẽ chế độ trả lương chế độ tiền thưởng đúng chính sách đúng chế độ và đúng quy chế trả lương đã được Công ty xây dựng.

+ Xây dựng thang bảng lương phù hợp giá thành sản xuất và công trình;

1.2.3. Công tác cán bộ:

+ Lập, trình đề án quy hoạch cán bộ; đánh giá cán bộ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ; luân chuyển cán bộ; điều động cán bộ; bố trí sử dụng cán bộ; quản lý cán bộ; kiểm tra giám sát cán bộ; kiện toàn tổ chức các cấp trong Công ty, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Công tác bảo vệ chính trị nội bộ;

1.2.4. Quản lý tài sản:

+ Tham mưu xây dựng quy chế quản lý tài sản phù hợp thực tiễn và quy định của pháp luật (Mua sắm, quản lý, điều chuyển, sử dụng tài sản và chế tài);

+ Chủ trì mua sắm, đề xuất mua sắm tài sản (trừ tài sản được quy định khác của Hội đồng Quản trị, trong Điều lệ);

+ Xây dựng quy chế chi tiêu, quy chế tài chính, quy chế sử dụng xe; thanh toán chi phí vận hành xe ô tô phục vụ chung.

1.2.5. Tài chính:

+ Chủ trì xây dựng kế hoạch tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm trình Ban Giám đốc;

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch tài chính, kế hoạch tín dụng, kế hoạch sử dụng vốn;

+ Đầu mối liên hệ cơ quan tài chính và quản lý tài chính các cấp (Thuế, Kho bạc, ngân hàng...) và cơ quan tài chính của đối tác;

1.2.6. Kế toán:

+ Kế toán tổng hợp, xây dựng giá thành, phản ánh chi tiết hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kế toán thanh toán; Kế toán tiền mặt; Kế toán công nợ;

+ Kế toán thuế, ngân hàng, tiền lương và công tác khác do Trưởng phòng phân công;

- + Kế toán thanh toán, xăng dầu và công tác khác do Trưởng phòng phân công;
- + Lưu trữ toàn bộ hồ sơ chứng từ kế toán theo quy định của Nhà nước;

1.2.7. Kho, quỹ:

- + Thực hiện thu, chi tiền mặt theo đúng chính sách và quy định của Công ty; Lưu trữ toàn bộ chứng từ.

+ Quản lý toàn bộ hoạt động liên quan trực tiếp đến hàng hoá trong kho như: sắp xếp hàng hoá, vật tư trong kho theo đúng quy định, đảm bảo quy trình bảo quản phù hợp với từng loại hàng hoá; Thực hiện thủ tục xuất nhập kho, ghi chép theo dõi số lượng hàng hoá xuất nhập tồn kho; kiểm kê hàng hoá và theo dõi hàng tồn kho góp phần sử dụng, quản lý hiệu quả phục vụ công tác sản xuất của Công ty. Báo cáo cấp trên về tình trạng hàng hoá trong kho

1.2.8. Xăng dầu, xây dựng:

- + Quản lý, hoạt động kinh doanh xăng dầu theo đúng quy định hiện hành của pháp luật;

+ Quản lý và hướng dẫn Chi nhánh Xây dựng công trình về công tác hồ sơ, sổ sách và hạch toán kế toán theo đúng quy định của Công ty và pháp luật quy định;

1.2.9. An ninh chính trị địa phương, dân quân tự vệ;

1.2.10. An toàn lao động và An toàn vệ sinh, phòng chống cháy nổ;

1.2.11. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ban lãnh đạo phân công;

1. Cơ cấu nhân sự:

Nhân sự : 1 Trưởng phòng, 1 phó phòng, 4 chuyên viên cụ thể như sau:

- 01 Trưởng phòng: Tham mưu, chủ trì phương án tài chính của công ty, đối nội - đối ngoại, chỉ đạo nghiệp vụ của phòng.
 - 01 nhân sự: Kế toán tổng hợp, kế toán thanh toán
 - 01 nhân sự: Kế toán thuế, ngân hàng, tiền lương
 - 01 nhân sự: Kế toán thanh toán, xăng dầu
- khác

} Kiểm soát chi,
tham gia công tác

- 01 nhân sự: BHXH, chế độ chính sách
- tác

} Kiểm nhiệm báo cáo công
Đảng công đoàn, dân

quân

- 01 nhân sự: Công tác văn thư, thủ quỹ, thủ kho tự vệ

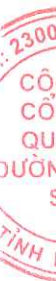
→ Tổng 06 nhân sự.

(Không bao gồm bộ phận phục vụ, lái xe, bảo vệ và tạp vụ)

2. Nhân sự:

2.1. Trưởng phòng

- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về toàn bộ công tác quản lý hành chính trong toàn bộ Công ty.



- Quản lý nhân sự của toàn công ty
- Thực hiện các công việc nội chính của Văn phòng (đôi nội, đôi ngoại...)
- Tham gia xây dựng kế hoạch kinh doanh đối với sản xuất, xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ được giao.
- Kiểm soát toàn bộ hồ sơ các công trình do Công ty thực hiện.
- Xử lý công văn, văn bản, tổng hợp báo cáo thuộc nhiệm vụ của phòng.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác được giao.

2.2. Kế toán trưởng:

Tiêu chuẩn:

- + Trưởng hoặc phó phòng kiêm nhiệm Kế toán trưởng;
- + Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng quản trị, Giám đốc về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Kế toán trưởng theo quy định của Luật Kế toán.

3.3. Phó Trưởng phòng:

Giúp việc cho Trưởng phòng, thực hiện nhiệm vụ cụ thể khác do Trưởng phòng phân công;

3.4. Kế toán viên:

Có kiến thức chuyên môn về kế toán; thành thạo phần mềm kế toán; có tính trung thực và cẩn thận đảm bảo tính chính xác và minh bạch của các số liệu tài chính; có trách nhiệm trong công việc, không lợi dụng chức vụ để trục lợi cá nhân;

3.5. Tiêu chuẩn nhân sự:

- + Có Bằng Cao đẳng, Đại học trở lên các lĩnh vực Kinh tế, Tài chính, Luật.
- + Kế toán viên bằng Cao đẳng, Đại học chuyên ngành Tài chính, kinh tế.
- + Tiêu chuẩn Kế toán trưởng: Có Bằng Tài chính kế toán; Chứng chỉ Kế toán trưởng.

3.6.2. Phòng Kinh doanh – Dự án:

1. Chức năng, nhiệm vụ của phòng:

1.1. Chức năng:

Tham mưu cho Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Tham mưu cho Ban Giám đốc về các vấn đề liên quan đến việc quản lý quá trình thực hiện dự án;

Tham mưu Ban Giám đốc về quan hệ với cơ quan quản lý Nhà nước chuyên quản (Bộ Giao thông Vận tải, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, các Sở Giao thông địa phương và cơ quan quản lý Nhà nước, quản lý dự án khác);

Tham mưu cho Ban Giám đốc liên quan vấn đề quản lý nhà nước, quan hệ địa phương trong phạm vi được giao duy tu bảo trì;

Tham mưu cho Ban Giám đốc quản lý hoạt động sản xuất các chi nhánh trực thuộc, điều phối hoạt động sản xuất các Chi nhánh;

Thực hiện các chức năng khác do Ban Giám đốc giao.

1.2. Nhiệm vụ:

1.2.1. Tham mưu Ban Giám đốc công tác quy hoạch, xây dựng chiến lược kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

1.2.2. Quản lý dự án (công tác bảo trì, điều tiết đảm bảo giao thông, thường trực chống va trôi và các dự án khác):

a. Chuẩn bị đầu tư:

- Theo dõi công trình tiềm năng;
- Lập, bảo vệ phương án, tiếp cận dự án.

b. Đấu thầu, thương thảo, ký kết Hợp đồng

c. Quản lý chất lượng: Chủ trì tổ chức thẩm tra thiết kế các giai đoạn trong quá trình đầu tư xây dựng công trình; Theo dõi, tổng hợp khối lượng thi công, tình hình thi công; Chủ trì phối hợp, đôn đốc các đơn vị thi công trong việc lập và trình duyệt biện pháp thi công, tổng tiến độ thi công; kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện tiến độ theo tiến độ thi công đã được phê duyệt trong hợp đồng, đề xuất các biện pháp đẩy nhanh tiến độ, và đảm bảo cho công trình khi thi công; Thanh quyết toán A-B;

1.2.3. Công tác tham gia, cho ý kiến văn bản, định mức, quy chế, tuyến luồng khi có yêu cầu của ngành dọc (Bộ, Cục), của cơ quan quản lý Nhà nước khác liên quan đến lĩnh vực đường thủy nội địa. Công tác tham gia cho ý kiến liên quan tuyến luồng thuộc phạm vi Công ty được giao, đặt hàng, hợp đồng bảo trì;

1.2.4. Đôn đốc, hướng dẫn việc xây dựng phương án, kiểm tra thực hiện công tác phòng chống bão lũ và tìm kiếm cứu nạn của các đơn vị trực thuộc.

1.2.5. Quản lý phương tiện thủy (trừ ô tô và phao dậu): Quản lý hồ sơ, giấy tờ, tổ chức đăng ký, đăng kiểm các phương tiện thủy trong Công ty, tham mưu việc sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên, và sửa chữa lớn các phương tiện thủy trong Công ty; Đầu tư đóng mới hệ thống phương tiện, thiết bị;

1.2.6. Tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành, các đoàn công tác phối hợp các địa phương, các đối tác liên quan;

1.2.7. Phân khai khối lượng sản xuất kinh doanh, giao nhiệm vụ cho các Chi nhánh, nghiệm thu, thanh toán khối lượng khi công việc kết thúc;

1.2.8. Thực hiện các nhiệm vụ, dự án khác theo yêu cầu của Ban Giám đốc.

2. Cơ cấu tổ chức phòng:

- 01 Trưởng phòng phụ trách chung công việc của phòng; xây dựng kế hoạch phát triển kinh doanh; tổng hợp số liệu báo cáo; chỉ đạo và kết hợp với các nhân sự khác trong phòng thực hiện các công việc của phòng, chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc;

- 01 Phó phòng giúp việc cho Trưởng phòng, trực tiếp phụ trách dự án.

- 01 nhân sự: Phụ trách phương tiện, phân công nhân lực các công trình của phòng và công việc khác theo phân công của trưởng phòng;

- 03 nhân sự: Phụ trách hiện trường, quan hệ chủ đầu tư, thanh toán A-B, dự thầu, tham gia quá trình xây dựng kế hoạch kinh doanh, tổng hợp báo cáo;

-> **Tổng 06 nhân sự.**

3.6.3- Chi nhánh Xăng dầu:

Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy. | 5222 (chính) |
| 2 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 3 | Xây dựng công trình công ích | 4220 |
| 4 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 |
| 5 | Phá dỡ | 4311 |
| 6 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 7 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 8 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí | 4322 |
| 9 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | 4329 |
| 10 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 11 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
| 12 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét | 0810 |
| 13 | Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông | 0899 |
| 14 | Đóng tàu và kết cấu nổi | 3011 |
| 15 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 16 | Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan | 4661 |
| 17 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy | 3290 |
| 18 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |

3.6.4- Chi nhánh Đầu tư – Xây dựng:
Ngành nghề kinh doanh

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Chi tiết: Quản lý bảo trì đường thường thủy nội địa. Điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy; điều tiết chống va trôi mùa lũ; thanh thải chướng ngại vật trên tuyến đường thủy, nạo vét đường thủy. | 5222 (chính) |
| 2 | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
| 3 | Xây dựng công trình công ích | 4220 |
| 4 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác | 4290 |
| 5 | Phá dỡ | 4311 |
| 6 | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |
| 7 | Lắp đặt hệ thống điện | 4321 |
| 8 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí | 4322 |
| 9 | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác | 4329 |
| 10 | Hoàn thiện công trình xây dựng | 4330 |
| 11 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác | 4390 |
| 12 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét | 0810 |
| 13 | Khai khoáng chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản trên sông | 0899 |
| 14 | Đóng tàu và kết cấu nổi | 3011 |
| 15 | Sửa chữa máy móc, thiết bị | 3312 |
| 16 | Bán buôn nhiên liệu, rắn, lỏng, khí và các loại sản phẩm liên quan | 4661 |
| 17 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đóng mới, sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện thủy; sản xuất lắp đặt phao tiêu báo hiệu đường thủy | 3290 |
| 18 | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa | 5022 |

3.6.5. Chi nhánh 401, 402, 403, 404, 405, 406:

Vị trí và chức năng

Chi nhánh 401, 402, 403, 404, 405, 406 là đơn vị trực tiếp sản xuất trực thuộc Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại ngân hàng.

Nhiệm vụ Chi nhánh 401,402, 403, 404, 405, 406:

Trực tiếp thực hiện:

Công tác duy tu, bảo trì báo hiệu đường thủy nội địa;

Công tác điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa phục vụ thi công các công trình trên đường thủy nội địa quốc gia;

Công tác phòng chống bão lũ, chống va trôi, tìm kiếm cứu nạn;

Thực hiện công tác nghiệm thu, thanh toán nội bộ;

Quản lý, sử dụng tài sản, phương tiện, thiết bị theo quy định của cục Công ty;

Xây dựng kế hoạch hoạt động theo tháng, quý, thực hiện chế độ báo cáo đối với Giám đốc Công ty;

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác Ban lãnh đạo Công ty giao nhiệm vụ.

Phạm vi hoạt động

Chi nhánh 401:

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 34 km sông Đuống (từ km 14 đến km 48); Trạm Quản lý đường thủy nội địa: Minh Đạo;

Chi nhánh 402:

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 52 km sông Thương (từ km 10 đến km 62); Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa: Bắc Giang; Bồ Hạ;

Chi nhánh 403:

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 58 Km Sông Cầu từ (Km 00 – km 58); Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa: Hiền Lương; Quang Châu;

Chi nhánh 404:

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 87 km: 07 km sông Thái Bình (từ km 93 đến km 100); 56 km sông Bằng Giang (từ km 00 đến km 56); Sông Đuống 14 km (từ km00 đến km 14); Sông Thương 10 km (Từ Km00 đến km10); Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa Kiêu Lương; Phả Lại; Trạm Cao Bằng.

Chi nhánh 405:

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 56 km sông Lục Nam (từ km 00 đến km 56); Trạm Quản lý đường thủy nội địa Lục Nam;

3824
NG T
PH
AN I
IG S
SỐ 4
BẮC

Chi nhánh 406:

Thực hiện các chức năng nhiệm vụ trên phạm vi tổng số 65 km:19 km sông Công (từ km 00 đến km 19); 46 Km Sông Cầu (Từ km 58 đến km 104) Bao gồm các Trạm Quản lý đường thủy nội địa Yên Phong; Đa Phúc;

Cơ cấu tổ chức:

Văn phòng Chi nhánh:

Gồm chuyên viên Dự án và Kỹ thuật; nhân viên Kế toán thống kê kiêm thủ quỹ, văn phòng.

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa:

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa được sử dụng con dấu riêng, thực hiện chức năng nhiệm vụ theo Trạm;

Các chức danh lãnh đạo thuộc Chi nhánh

Chi nhánh Xí nghiệp do Giám đốc Chi nhánh trực tiếp lãnh đạo, phó Giám đốc giúp việc.

Trạm Quản lý đường thủy nội địa do Trạm trưởng lãnh đạo, Phó Trạm trưởng giúp việc.

Giám đốc Chi nhánh do Giám đốc Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; phó Giám đốc Chi nhánh, Trạm trưởng, Trạm phó do Giám đốc Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh.

Mối quan hệ công tác giữa Chi nhánh Xí nghiệp với các Trạm Quản lý đường thủy nội địa và các Phòng Ban:

Chi nhánh Xí nghiệp 401, 402, 403, 404, 405, 406 chủ động giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

Các Trạm Quản lý đường thủy nội địa chịu sự chỉ đạo điều hành của Giám đốc Chi nhánh Xí nghiệp trong phạm vi được quy định tại Quyết định này.

Các Phòng ban có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động công tác của 06 Chi nhánh Xí nghiệp trên.

Chi tiết Tư vấn khảo sát thiết kế công trình giao thông, tư vấn thiết kế các công trình đường thủy, tư vấn giám sát thi công các công trình đường thủy.

3.7. Các công ty con, công ty liên kết:

a. Các công ty con: Không có

b. Các Công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển:

Tiếp tục duy trì ổn định, kiện toàn tổ chức hoạt động theo mô hình của Công ty cổ phần;

Xây dựng chiến lược, kiện toàn, mô hình tổ chức của Công ty, mục tiêu là đưa các hoạt động của Công ty phát triển mạnh bền vững, đưa các sản phẩm mang thương hiệu của Công ty ra thị trường trên toàn quốc. Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng và ổn định đạt mục tiêu về lợi nhuận đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư;

Công ty tìm ra các giải pháp phát triển bền vững cho thị trường kinh doanh của Công ty, giữ ổn định thị trường.



Bằng nhiều biện pháp tạo điều kiện và có chính sách tốt nhất chăm lo đời sống người lao động, bảo vệ môi trường và tham gia phát triển cộng đồng;

Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhạy bén thích ứng yêu cầu đổi mới, có năng lực quản lý để đưa Công ty phát triển ngày một vững mạnh;

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4 định hướng hoạt động kinh doanh: Tập trung mọi nguồn lực thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh đã đề ra;

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, hoạch định chính sách, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của Bộ máy quản trị điều hành. Trong thời gian tới cần chủ động nâng cao trình độ quản lý, bồi dưỡng và hướng dẫn những kiến thức tối thiểu về kinh tế và kế hoạch cho tất cả cán bộ quản lý, công nhân và người lao động trong Công ty;

Nâng cao năng lực tài chính: Tăng cường tích lũy nội bộ, gia tăng lợi nhuận. Sử dụng nguồn vốn hợp lý, tích cực thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm tăng khả năng cạnh tranh trong kinh doanh, tìm kiếm nhà đầu tư góp vốn, tăng cường năng lực tài chính;

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong Công ty: Có chính sách đãi ngộ xứng đáng để xây dựng Công ty với đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, ứng xử có văn hóa, phục vụ khách hàng tốt nhất để doanh nghiệp phát triển bền vững.

+ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng. Tiếp tục thực hiện và tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường, xã hội và cộng đồng.

5. Các rủi ro:

+ Rủi ro kinh tế:

Trước biến động của nền kinh tế nói chung và khó khăn của ngành giao thông vận tải nói riêng. Hội đồng quản trị đã xác định xây dựng chiến lược kinh doanh trên cơ sở tận dụng thế mạnh của doanh nghiệp ngành nghề đặc thù bảo trì và đảm bảo an toàn giao thông. Kinh doanh thương mại xăng dầu đang trên đà khởi sắc.

+ Rủi ro về lạm phát:

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Trong những năm qua, nền kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, vấn đề này ảnh hưởng đến kế hoạch lợi nhuận và kết quả kinh doanh của Công ty.

+ Rủi ro về lãi suất:

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty tìm cách giảm thiểu rủi ro lãi suất thông qua các biện pháp: Kiểm soát chặt công nợ phải thu, tối ưu hóa quay vòng vốn, tăng quay vòng đồng tiền, cơ cấu lại các khoản vay.

II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

Trong năm 2025, Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4 thực hiện đặt hàng và đấu thầu quản lý bảo trì đường thủy nội địa; Cầu Kênh Vàng; thường trực chống va trôi mùa bão lũ Cầu Hồ; Cầu Thị cầu các công trình khác và kinh doanh thương mại, doanh thu năm 2025 của Công ty: 103.507.623.871 đồng đạt 114,8% so với kế hoạch năm 2025; số nộp ngân sách nhà nước: 4.095.852.379 đồng; lợi nhuận sau thuế đạt: 2.016.504.710 đồng.

Bảng số 1: Kết quả hoạt động SXKD so với kế hoạch năm 2025

| TT | Kế hoạch năm 2025 (đồng) | Thực hiện năm 2025 (đồng) | Tỷ lệ (%) |
|---|-----------------------------|------------------------------|---------------|
| Tổng doanh thu | 90.183.000.000 | 103.507.623.871 | 114,8% |
| Doanh thu từ QLBT đường thủy nội địa tuyến chính | 20.727.272.727 | 22.373.968.623 | 107,9% |
| Doanh thu từ QLBT đường thủy nội địa tuyến Quảng Ninh | 3.400.000.000 | 2.764.020.077 | 81,3% |
| Doanh thu ĐT chống va trôi Cầu Hồ, Thị Cầu; ĐTKC Cầu Kênh Vàng, Đồng Việt, Thái nguyên... | 16.018.181.818 | 15.136.389.321 | 94,5% |
| Doanh thu khác | | 12.521.350.917 | |
| Doanh thu xăng dầu, xây dựng | 50.037.545.455 | 50.711.894.933 | 101% |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.000.000.000 | 2.591.153.462 | 129,6% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.300.363.636 | 2.016.504.710 | 155% |
| Chi trả cổ tức dự kiến 11% | 1.160.000.000 | 1.276.000.000 | 110% |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến | 140.363.636 | 600.000.000 | 427% |
| Quỹ phúc lợi dự kiến | | 140.504.710 | |
| Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng) | 8.400.000 | 8.400.000 | 100% |
| Lao động bình quân | 150 | 150 | 100% |



Hoạt động doanh thu và chi phí của năm 2025 theo số liệu kiểm toán mốc thời gian từ 01/01/2025 đến 31/12/2025.

Bảng số 2: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2024-2025

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2024 (đồng) | Năm 2025 (đồng) | Tỷ lệ % năm 2024 so với năm 2025 |
|----|--|-----------------|-----------------|----------------------------------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 103.476.546.532 | 103.507.623.871 | 100% |
| 2 | Doanh thu thuần | 103.476.546.532 | 103.507.623.871 | 100% |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 16.289.408.409 | 17.504.941.415 | 107,5% |
| 4 | Lợi nhuận thuần | 1.359.059.576 | 2.726.867.444 | 200,6% |
| 5 | Lợi nhuận khác | -85.675.005 | -135.713.982 | 158,4% |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 1.273.384.571 | 2.591.153.462 | 203,5% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 750.084.445 | 2.016.504.710 | 268,8% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 của Công ty)

Bảng số 3: Cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2024-2025

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2024 (đồng) | Năm 2025 (đồng) | Tỷ lệ % năm 2024 so với năm 2025 |
|----|-----------------------------------|-----------------|-----------------|----------------------------------|
| 1 | Doanh thu thuần từ hoạt động SXKD | 103.476.546.532 | 103.507.623.871 | 100% |
| 2 | Doanh thu từ hoạt động tài chính | 258.069.038 | 290.996.960 | 112,8% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 của Công ty)

Cơ cấu chi phí

Bảng số 4: Cơ cấu chi phí của Công ty năm 2024-2025

| TT | Năm 2024 (đồng) | Tỷ trọng so với tổng doanh thu 2024 (%) | Năm 2025 (đồng) | Tỷ trọng so với tổng doanh thu 2025 (%) |
|-----------------------|------------------------|---|------------------------|---|
| Giá vốn hàng bán | 87.187.156.123 | 84,3% | 86.002.682.456 | 83,1% |
| Chi phí tài chính | 2.969.088.313 | 2,9% | 2.785.042.530 | 2,7% |
| Chi phí bán hàng | 3.366.639.585 | 3,3% | 2.640.384.332 | 2,6% |
| Chi phí QLQLDN | 8.852.689.973 | 8,6% | 9.643.644.069 | 9,3% |
| Chi phí khác | 120.761.828 | 0,1% | 136.281.722 | 0,1% |
| Tổng chi phí | 102.496.335.822 | 99,1% | 101.208.035.109 | 97,8% |
| Tổng Doanh thu | 103.476.564.532 | | 103.507.623.871 | |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 của Công ty)

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban Giám đốc điều hành:

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ | Trình độ CM | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|----|-----------------|----------|--------------|-------------|----------------------|
| 1 | Trịnh Đình Kiên | 1969 | Giám đốc | Kỹ sư CTT | 8,46% |
| 2 | Trần Văn Ôn | 1970 | Phó Giám đốc | CN kinh tế | 7,33% |

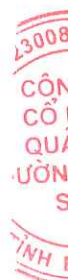
Lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của thành viên Ban Giám đốc điều hành:

1. Giám đốc: Trịnh Đình Kiên

| Họ và tên | TRỊNH ĐÌNH KIÊM |
|---|--|
| - Số CCCD | 0270690026xx cấp ngày 25/04/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 12/9/1969 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Tổ dân phố 5, Phường Võ Cường. Bắc Ninh |
| - Địa chỉ hiện tại | Tổ dân phố 5, Phường Võ Cường. Bắc Ninh |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Kỹ sư công trình thủy |
| - Quá trình công tác | |
| T5/1992-T10/2004 | Trạm QLĐTND Minh Đạo |
| T10/2004-T12/2004 | Trạm QLĐTND Kiều Lương |
| T12/2004-T12-2006 | Chuyên viên phòng Kỹ thuật – Đoạn QLĐTND số 4 |
| T12/2006-T2/2015 | Đội trưởng Đội Công trình – Đoạn QLĐTND số 4 |
| T3/2015 đến 05/02/2017 | Thành viên ban kiểm soát – Giám đốc xí nghiệp thương mại cơ khí công trình – Công ty CPQLBTĐTND số 4 |
| Từ 06/02/2017 đến 31/5/2024 | Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLĐS số 4 |
| Từ 01/6/2024 đến nay | Phó Bí thư Đảng ủy - Giám đốc Công ty cổ phần QLĐS số 4 |
| Chức vụ hiện nay tại Công ty | Phó Bí thư Đảng ủy - Giám đốc Công ty cổ phần QLĐS số 4 |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số lượng cổ phần đang nắm giữ | 98.119 cổ phần chiếm 8,46% Vốn Điều lệ |
| Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

2. Phó Giám đốc: Trần Văn Ôn

| Họ và tên | TRẦN VĂN ÔN |
|---|--|
| - Số CCCD | 0360700085xx cấp ngày 13/04/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 09/01/1970 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Tổ dân phố 2, Phường Võ Cường. Bắc Ninh |
| - Địa chỉ hiện tại | Tổ dân phố 2, Phường Võ Cường. Bắc Ninh |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| - Quá trình công tác | |
| T9/1992-T11/2002 | Công nhân các trạm quản lý đường sông: Minh Đạo; Bắc Giang; Hòa Long – Đoạn QLĐS số 4 |
| T12/2002-T12/2003 | Trạm phó phụ trách Trạm quản lý đường sông Bồ Hạ - Đoạn QLĐS số 4 |
| T01/2003-T7/2004 | Trạm trưởng Trạm QLĐS Bồ Hạ - Đoạn QLĐS số 4 |
| T8/2004-T6/2013 | Phó phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐS số 4; |
| T7/2013-T12/2015 | Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Đoạn QLĐTND số 4 |
| T3/2015 – 05/02/2017 | Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; |
| 06/02/2017 đến 21/4/2022 | Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4 |
| - Từ 22/4/2022 đến nay | Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần QLĐS số 4; |
| - Chức vụ hiện nay | Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần QLĐS số 4; |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| - Số lượng cổ phần sở hữu | 85.045 cổ phần chiếm 7,33% Vốn điều lệ. |
| - Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu | Không |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| - Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |



3. Trưởng Phòng Kế toán – Quản trị:

| | |
|---|--|
| Họ và tên | VŨ XUÂN TRƯỜNG |
| - Số CCCD | 0270780103xx; Ngày cấp: 25/06/2021; do Cục CSQLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 30/10/1978 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Tổ dân phố Bồ Sơn, Phường Võ Cường, Bắc Ninh |
| - Địa chỉ hiện tại | Tổ dân phố Bồ Sơn, Phường Võ Cường, Bắc Ninh |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế |
| - Quá trình công tác | |
| Từ tháng 11/2001 đến tháng 7/2003 | Công tác tại Đội công trình – Đoạn quản lý đường sông số 4 |
| Từ tháng 8/2003 đến tháng 8/2005 | Công tác tại Trạm Quản lý đường sông Bắc Giang |
| Từ tháng 8/2005 đến tháng 12/2008 | Công tác tại Trạm Quản lý đường sông Quang Châu |
| Từ tháng 01/2009 đến tháng 02/2011 | Công tác Tại Đội Công trình – Đoạn Quản lý ĐTNĐ số 4 |
| Từ tháng 3/2011 đến tháng 5/2015 | Công tác tại Phòng Kỹ thuật - Đoạn Quản lý ĐTNĐ số 4 |
| Từ tháng 5/2015 đến nay | Công tác tại Phòng Tài chính – Kế toán – Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| Chức vụ hiện nay tại Công ty | Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán – Đảng ủy viên Công ty cổ phần QLĐS số 4 |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số lượng cổ phần đang nắm giữ | 82.556 cổ phần chiếm 7,12% Vốn Điều lệ |
| Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | 525.000.000 đồng |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Chính sách đào tạo:

Công ty rất chú trọng vào lĩnh vực đầu tư nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo lại lực lượng lao động. Kế hoạch đào tạo hàng năm căn cứ vào yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Nội dung đào tạo phù hợp với nhu cầu thực tế của đơn vị. Căn cứ vào nhu cầu sản xuất kinh doanh Công ty sẽ tuyển dụng lao động phù hợp;

Chính sách lương thưởng, trợ cấp:

Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng phù hợp nhằm nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên. Lương của người lao động được trả theo quy chế trả lương của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành. Năm 2023 Công ty Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4;

+ Trả lương theo thời gian đối với cán bộ, nhân viên nghiệp vụ, Văn phòng theo chức năng nhiệm vụ được giao và mức độ hoàn thành công việc trong tháng.

+ Trả lương khoán cho các khối kinh doanh Xăng dầu; Chi nhánh Đầu tư, xây dựng; Chi nhánh 401, 402; 403; 404; 405; 406;

+ Thưởng nhân dịp lễ, tết trong năm: Tết Dương lịch, Giỗ Tổ Hùng Vương; Kỷ niệm ngày Giải phóng Miền Nam 30/4 – Ngày Quốc tế lao động 1/5; Ngày Quốc khánh 2/9 và Tết Âm lịch.

Thu nhập bình quân: 8.400.000 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Bảng số 5: Tình hình tài chính

| TT | Chỉ tiêu | Năm 2024 (VND) | Năm 2025 (VND) | % tăng giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|----|---------------------------|-----------------|-----------------|--------------------------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 71.996.986.207 | 54.774.563.276 | 76% |
| 2 | Doanh thu thuần | 103.476.564.532 | 103.507.623.871 | 100% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động KD | 1.359.059.576 | 2.726.867.444 | 200% |
| 4 | Lợi nhuận khác | -85.675.005 | -135.713.982 | 158% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 1.273.384.571 | 2.591.153.462 | 203% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 750.084.445 | 2.016.504.710 | 268% |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2024, năm 2025 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Bảng số 6: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2024 | Năm 2025 |
|--|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,11 | 1,18 |
| + Hệ số thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) /Nợ ngắn hạn) | Lần | 0,9 | 1,04 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số nợ/Tổng tài sản | % | 0,81 | 0,7 |
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 4,35 | 2,6 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | Vòng | 8,67 | 9,93 |
| + Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân) | Vòng | 1,44 | 1,89 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 0,87% | 1,95% |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 6,71% | 13,59% |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 1,25% | 3,68% |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 1,31% | 2,63% |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2024, năm 2025 của Công ty)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 1.160.000 cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 11.600.000.000 đồng (Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn)

b) Cơ cấu cổ đông:

Bảng số 7: Cơ cấu cổ đông

| Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Giá trị cổ phần (đồng) | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|------------------------------|------------------|------------------|------------------------|-----------------------------------|
| 1. Cổ đông trong nước | 92 | 1.160.000 | 11.600.000.000 | 100% |
| 1.1. Tổ chức | | | | |
| 1.2. Cổ đông cá nhân | 92 | 1.160.000 | 11.600.000.000 | 100% |
| 2. Cổ đông nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0% |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 0 | 0 | 0 | 0% |
| Tổng cộng | 92 | 1.160.000 | 11.600.000.000 | 100% |

(Nguồn: Danh sách chốt cổ đông Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4 ngày 31/12/2025)

**Bảng số 8: Danh sách cổ đông nắm giữ 5% trở lên tại thời điểm
31/12/2025**

| Tên cổ đông | Địa chỉ | Số lượng cổ phần | Giá trị cổ phần (đồng) | Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp |
|----------------------|---|------------------|------------------------|-----------------------------------|
| 1. Phạm Hồng Minh | Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4 | 220.201 | 2.202.010.000 | 18,98% |
| 2. Dương Hải Thanh | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4 | 170.097 | 1.700.970.000 | 14,66% |
| 3. Trịnh Đình Kiên | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4 | 94.319 | 943.190.000 | 7,63% |
| 4. Trần Văn Ổn | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4 | 85.045 | 850.450.000 | 7,33% |
| 5. Nguyễn Phi Trường | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4 | 74.214 | 742.140.000 | 6,4% |
| 6. Vũ Xuân Trường | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4 | 72.726 | 727.260.000 | 6,27% |
| 7. Nguyễn Văn Tặng | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4 | 65.477 | 654.770.000 | 5,64% |
| Tổng cộng | | 782.079 | 7.820.790.000 | 67,42% |

(Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4 đến 31/12/2025)

- d) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- e) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- f) Các chứng khoán khác: Không có

6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lao động trung bình đối với người lao động:

Số lượng lao động bình quân tính đến 31/12/2025 : 150 người

Về chính sách phân phối tiền lương năm 2025; căn cứ vào Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ đối với người lao động tại Công ty cổ phần quản lý đường sông số 4;

Mức lương bình quân năm 2025: 8.400.000 đồng /người/tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ khen thưởng phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Cán bộ công nhân viên được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc, đối với lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện an toàn bảo hộ lao động, khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

Công tác môi trường, phòng chống cháy nổ, thiết bị nghiêm ngặt về an toàn và các quy định về công tác an toàn cho người lao động được huấn luyện theo quy định đồng thời kiểm tra giám sát thường xuyên.



Công ty đã lo đầy đủ về tinh thần và vật chất trong các ngày lễ, tết trong năm mức : 700.000 đ/người/ngày lễ.

6.1- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác khuyến học, năm 2025 Công ty đã khen thưởng cho các cháu đạt thành tích học sinh giỏi các cấp và các cháu thi đỗ Đại học với tổng số tiền trên 30.000.000 đồng.

Công ty đóng góp đầy đủ các quỹ xã hội từ thiện, quỹ nhân đạo, ủng hộ chất độc da cam, vì người nghèo, khuyến học, đền ơn đáp nghĩa, phòng chống thiên tai...

6.2- Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Khó khăn:

Doanh thu quản lý bảo trì đường thủy nội địa, va trôi các cầu mùa lũ năm 2025, chi phí chung giảm gây nên không ít khó khăn về đời sống, việc làm an sinh cho người lao động.

1.2. Thuận lợi:

Trước những khó khăn trên Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 chuyển đổi mô hình doanh nghiệp từ mô hình quản lý hành chính sự nghiệp sang Công ty cổ phần đã chuyển mạnh mẽ, bước đầu đạt được kết quả trong hoạt động kinh doanh và gia nhập vào những lĩnh vực mới nhiều tiềm năng. Bằng chiến lược kinh doanh được Ban lãnh đạo Công ty chủ động sáng tạo, đoàn kết, hoạch định phù hợp với tình hình thực tế đã đạt được các kết quả khả quan trong hoạt động kinh doanh năm 2025 – thể hiện qua các con số sau (Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán).

1.3. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh;

Năm 2025, Công ty Cổ phần Quản lý đường sông số 4 đã đạt mức doanh thu thuần là 103.507.623.871 đồng, đạt 114,8% so với kế hoạch, mức tăng doanh thu chủ yếu nhờ vào tăng nguồn thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty như: Quản lý bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông các công trình trên tuyến Công ty quản lý, điều tiết chống va trôi, kinh doanh xăng dầu.

Công ty duy trì tổ chức thực hiện quản lý chất lượng ISO 9001-2008 cấp ngày 14/7/2016 được gia hạn đến ngày 27/12/2021; trực tiếp tham gia chăm sóc khách hàng sau bán hàng để ghi nhận những hạn chế trong quá trình bán hàng và chủ động đề xuất bổ sung cho phù hợp.

Lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt được là: 2.016.504.710 đồng.

Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế:

ĐVT: VND

| Chỉ tiêu | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số còn phải nộp cuối năm |
|-------------------------------------|---------------------|---------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|--------------------------|
| | 322.056.028 | 1.492.011.008 | 4.406.657.779 | 4.095.852.379 | 321.380.712 | 1.801.770.201 |
| Thuế Giá trị gia tăng | | 968.168.235 | 3.440.560.551 | 3.105.663.183 | 31.633.384 | 1.334.698.987 |
| Thuế Thu nhập DN | | 522.275.885 | 574.648.752 | 632.630.695 | 370.882 | 464.293.942 |
| Thuế Xuất nhập khẩu | | | | | | |
| Thuế Thu nhập CN | 321.056.028 | 1.566.888 | 130.119.347 | 95.229.372 | 287.376.446 | 2.777.281 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | | | 242.329.129 | 242.329.129 | | |
| Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác | 1.000.000 | | 19.000.000 | 20.000.000 | 2.000.000 | |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2024, năm 2025 của Công ty)

Thu nhập cho cổ đông:

Trên cơ sở số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO, toàn bộ lãi sau thuế năm 2025 của Công ty là: 2.016.504.710 đồng. Lãi cơ bản trên một cổ phiếu của năm 2025 là: 1.738 đồng.

Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

Lợi nhuận sau thuế năm 2025

Chia ra:

Trả cổ tức 1.100 đồng/1 cổ phần x 1.160.000 CP: 1.276.000.000 đồng
Còn lại trích quỹ khen thưởng: 600.000.000 đồng
Quỹ phúc lợi: 140.504.710 đồng

Nhận xét chung:

Ưu điểm:

Lãnh đạo Công ty đã lãnh đạo thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025, thực hiện tốt công tác quản trị chi phí bảo toàn vốn và lợi nhuận, các khoản giao nộp Nhà nước và cấp trên theo quy định.

Tinh thần đoàn kết kỷ luật, sản xuất kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu chính đề ra đời sống tinh thần vật chất người lao động được cải thiện, thu nhập ổn định.

Những tồn tại cần khắc phục:

Cần chủ động công tác đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng những tiến bộ kỹ thuật mới và thiết bị mới đầu tư để nâng cao uy tín của Công ty trong giai đoạn hội nhập kinh tế hiện nay.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản:

Thực trạng về tài sản cố định theo số liệu báo cáo kiểm toán tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2025 tổng tài sản của Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 như sau:

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2025

| Tài sản | Năm 2024 (đồng) | Năm 2025 (đồng) | Thay đổi 2025 so với 2024 (%) |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------|
| A. Tài sản ngắn hạn | 64.473.570.258 | 45.339.031.848 | 70,3% |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 5.774.519.164 | 4.790.543.866 | 83% |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 46.492.474.051 | 34.785.581.937 | 74,8% |
| IV. Hàng tồn kho | 11.884.521.015 | 5.434.914.375 | 45,7% |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 322.056.028 | 327.991.670 | 101,8% |
| B. Tài sản dài hạn | 7.523.415.949 | 9.435.531.428 | 125,4% |
| II. Tài sản cố định | 5.691.483.996 | 7.983.773.777 | 140,3% |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 115.000.000 | 200.000.000 | 173,9% |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 1.716.931.953 | 1.251.757.651 | 72,9% |
| Tổng cộng tài sản | 71.996.986.207 | 54.774.563.276 | 76,1% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 của CTCP QLĐS số 4)

Bảng số 10: Tình hình tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2025

ĐVT: VND

| Hạng mục | Nhà cửa vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện VT truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tổng |
|-------------------------------|-----------------------|--------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2025 | 10.822.501.501 | 946.886.170 | 21.939.473.673 | 46.000.000 | 33.754.861.344 |
| Tăng trong năm | | | 3.980.444.074 | | 3.980.444.074 |
| Mua trong năm | | | 3.980.444.074 | | 3.980.444.074 |
| Giảm trong năm | | | -480.295.000 | | -480.295.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | | | -480.295.000 | | -480.295.000 |
| Số dư tại 31/12/2025 | 10.822.501.501 | 946.886.171 | 25.439.622.747 | 46.000.000 | 37.255.010.418 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư tại 01/01/2025 | 7.533.516.961 | 853.298.182 | 19.620.562.205 | 46.000.000 | 28.063.377.348 |
| Khấu hao trong năm | 454.155.364 | 46.146.977 | 864.150.839 | | 1.364.453.180 |
| Thanh lý, nhượng bán | | | -156.593.887 | | -156.593.887 |
| Số dư tại 31/12/2025 | 7.987.672.325 | 909.445.159 | 20.641.306.931 | 46.000.000 | 29.271.236.641 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại 01/01/2025 | 3.288.984.540 | 83.597.988 | 2.318.911.468 | | 5.691.483.996 |
| Tại 31/12/2025 | 2.834.829.176 | 37.441.011 | 5.111.503.590 | | 7.983.773.777 |

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2024, năm 2025 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025:

Bảng số 11: Tình hình nợ phải trả của Công ty 2024-2025

ĐVT: VND

| Tài sản | Năm 2024 (đồng) | Năm 2025 (đồng) | Thay đổi 2025 so với 2024(%) |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------|
| C. Nợ phải trả | 58.603.024.251 | 39.938.385.582 | 68,2% |
| I.Nợ ngắn hạn | 58.603.024.251 | 38.538.385.582 | 67,4% |
| 1.Phải trả người bán ngắn hạn | 1.819.662.478 | 2.577.592.256 | 141,7% |
| 2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 11.549.427.252 | 1.933.826.837 | 16,7% |
| 3.Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 1.492.011.008 | 1.801.770.210 | 120,8% |
| 4.Phải trả người lao động | 1.564.338.636 | 344.696.750 | 22% |
| 5.Chi phí phải trả ngắn hạn | 140.000.000 | 50.209.316 | 35,9% |
| 9.Phải trả ngắn hạn khác | 7.428.073.952 | 8.380.228.414 | 112,8% |
| 10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 33.133.646.570 | 23.449.388.472 | 70,8% |
| 12.Quỹ khen thưởng phúc lợi | 75.864.355 | 673.327 | 0,9% |
| II.Nợ dài hạn | 1.400.000.000 | 1.400.000.000 | 100% |
| 8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 1.400.000.000 | 1.400.000.000 | 100% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024,2025 của CTCP QLĐS số 4)

c) Tình hình nợ phải thu tại thời điểm 31/12/2025:

Bảng số 11: Tình hình nợ phải thu của Công ty 2024-2025

ĐVT: VND

| Tài sản | Năm 2024 (đồng) | Năm 2025 (đồng) | Thay đổi 2025 so với 2024 (%) |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------------|
| Nợ phải thu | 46.492.474.051 | 34.785.581.937 | 74,8% |
| 1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 23.595.998.158 | 14.541.107.715 | 61,6% |
| 2.Trả trước cho người bán ngắn hạn | 2.304.286.301 | 135.466.703 | 5,9% |
| 5.Phải thu về cho vay ngắn hạn | 3.175.000.000 | 2.275.000.000 | 71,7% |
| 6.Phải thu ngắn hạn khác | 17.417.189.592 | 17.834.007.519 | 102,4% |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024,2025 của CTCP QLĐS số 4)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Từng bước tổ chức lại doanh nghiệp, phân định rõ ràng trách nhiệm của từng bộ phận, phòng ban tạo điều kiện phát huy năng lực của từng cá nhân và tập thể. Tăng cường kỷ luật lao động, nâng cao tính chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Trong giai đoạn hiện nay hoạt động sản xuất kinh của Công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu quản lý bảo trì giảm mạnh, cạnh tranh cùng ngành nghề diễn ra gay gắt, sức ép chi phí tiền lương và an sinh xã hội rất lớn.

Công tác đấu thầu các gói bảo trì đường thủy nội địa, điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa năm 2025 đảm bảo tiến độ đề ra.

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty đoàn kết tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban lãnh đạo Công ty, định hướng mục tiêu cụ thể của Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong quá trình chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

4.1. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu năm 2026

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

ĐVT: VND đồng

| TT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|----|---|----------------|
| 1 | Tổng doanh thu (ước đạt) | 42.000.000.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế (ước đạt) | 2.600.000.000 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế (ước đạt) | 2.000.000.000 |
| a | Chia cổ tức (Dự kiến 11% - tương ứng 1.100 đồng/cổ phần) | 1.276.000.000 |
| | Trong đó: Trả cổ tức bằng tiền mặt: 10%/cổ phần (1 cổ phần được nhận 1000 đồng) | 1.276.000.000 |
| b | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 724.000.000 |
| 4 | Thu nhập BQ người lao động tạm tính (đồng/người/tháng) | 8.400.000 |

4.2. Các biện pháp để hoàn thành kế hoạch:

Một là: Tranh thủ sự ủng hộ của cơ quan chức năng đặc biệt là Bộ Xây dựng; Cục Hàng Hải và Đường thủy Việt Nam; Chi Cục Hàng Hải và Đường thủy Phía Bắc; Sở Giao thông vận tải Bắc Ninh tạo điều kiện hỗ trợ Công ty về cơ chế, chính sách, đặt hàng, chỉ định thêm các công trình trên địa bàn tuyến.

Hai là: Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, Hội đồng quản trị trọng tâm nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp coi đó là nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng thương hiệu doanh nghiệp vươn lên tầm cao mới gia tăng sức cạnh tranh trong nền kinh tế mở, cụ thể ban lãnh đạo đưa ra giải pháp:

Áp dụng quy trình ISO quản lý chất lượng trong công tác điều hành, hoạt động của Công ty. Năm 2015, Công ty đã triển khai hợp đồng với Trung tâm chứng nhận phù hợp QUACERT tư vấn TCVN ISO 9001-2015 ban hành quy trình quản lý chất lượng, ban hành quy chế quản trị nội bộ mang tính chuyên sâu và theo sát các văn bản pháp quy hiện hành của Nhà nước. Ngày 14/7/2016 Công ty đã được Trung tâm chứng nhận phù hợp (QUACERT) – Tổng Cục đo lường chất lượng cấp Quyết định số 4060/QĐ-QUACERT về việc cấp Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 trong lĩnh vực hoạt động: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa (Giấy chứng nhận số: HT 3693.16.34)

Ngày cấp giấy chứng nhận lần đầu: 14/7/2016

Ngày 07/5/2021 Trung tâm Chứng nhận phù hợp cấp giấy chứng nhận số: 727/QUACERT-KT v/v duy trì chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng cho lĩnh vực hoạt động: Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa; Điều tiết khống chế bảo đảm giao thông và chống va trôi trên đường thủy nội địa; Sản xuất và lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa phù hợp với tiêu chuẩn: TCVN ISO 9001:2015/ ISO 9001:2015

Tiếp tục đào tạo và đào tạo lại lực lượng lao động

Ban lãnh đạo Công ty xây dựng nhân tố con người là nhân tố quyết định trong sự phát triển của doanh nghiệp. Công ty đã và đang cử cán bộ, người lao

động đi đào tạo mới và đào tạo lại với kỳ vọng lực lượng lao động của Công ty sẽ tham gia vào thị trường lao động ngày càng sôi động của địa phương.

Ba là: Phát huy tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của mọi người lao động, đặc biệt là bộ phận quản lý công ty, người đứng đầu các bộ phận, tăng cường đoàn kết trong nội bộ đơn vị, tăng cường hơn nữa sự đồng thuận, đoàn kết của cán bộ công nhân viên chung sức, đóng góp về trí tuệ, vốn, công sức góp phần xây dựng đơn vị phát triển qua giai đoạn khởi nghiệp khó khăn.

Bốn là: Tái cơ cấu dây truyền, quy mô các bộ phận sản xuất để phù hợp với tỷ trọng doanh thu, chi phí giữa các lĩnh vực kinh doanh. Duy trì quy mô lĩnh vực thương mại cũ là dầu diezen đã được triển khai và bước đầu cho thấy kết quả khả quan.

Năm là: Phục vụ cho việc tăng đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, công ty trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam cho chủ trương tăng huy động vốn bằng biện pháp kết hợp hai hình thức huy động vốn tại chỗ từ cán bộ công nhân viên trong Công ty và huy động vốn qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Ban Lãnh đạo Công ty xem xét cân nhắc tính hiệu quả của từng phương án đưa ra tỷ trọng của các hình thức huy động vốn trên một cách hợp lý.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, Công ty ngày càng cải thiện các hoạt động cung cấp dịch vụ đảm bảo chỉ tiêu môi trường hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn cho phép.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề lao động:

Công tác đời sống xã hội, phong trào công nhân viên chức có tiến bộ, vượt qua mọi khó khăn, lao động sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm qua, Công ty đã hoàn thành tốt trách nhiệm với cộng đồng địa phương như đóng góp ủng hộ các quỹ xã hội từ thiện, ủng hộ quỹ chất độc da cam, quỹ đền ơn đáp nghĩa, phòng chống thiên tai, ủng hộ đồng bào miền trung...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Năm 2025 vượt qua những khó khăn thách thức của nền kinh tế, với kết quả sản xuất kinh doanh đã đạt được cùng với những bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, sự đoàn kết, năng động trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã khắc phục những tồn tại, tìm ra

những giải pháp phù hợp lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025.

Dù gặp nhiều khó khăn thách thức đối với ngành đường thủy nội địa, Công ty chủ động trong lựa chọn trong cung ứng nguyên nhiên vật liệu, vật tư, thiết bị; huy động cân đối nguồn vốn; đào tạo nâng cao trình độ người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong lựa chọn, sử dụng cán bộ để phát huy năng lực, sáng kiến cải tiến, tiết kiệm của cá nhân, tập thể người lao động; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa các hoạt động dịch vụ, đẩy mạnh công tác quảng bá bán hàng nên kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đạt kết quả khả quan.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT;

Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, chỉ đạo sát sao, kịp thời, cụ thể, quyết liệt; giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua.

Chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của cán bộ công nhân viên để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ Công ty, có biện pháp chỉ đạo kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

Chấp hành tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Dự báo năm 2025 trước những khó khăn cấp bách hiện nay, Hội đồng quản trị đã đưa ra những giải pháp chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

Chủ động chuẩn bị các nguồn vốn cho sản xuất và đời sống người lao động;

Tiếp tục ổn định bán lẻ xăng dầu, tiếp cận các dự án của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam để xúc tiến công tác đấu thầu giải quyết công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động.

Tăng cường công tác tiếp thị, đặc biệt trong lĩnh vực bán hàng.

Chủ động, phát huy tối đa tiềm năng các nguồn lực: lao động, thiết bị và cơ sở vật chất sẵn có hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025.



V- Công tác quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị

Bảng số 12: Danh sách thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ | Trình độ chuyên môn | Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền BQ |
|----|-------------------|----------|-----------------|-----------------------|----------------------------------|
| 1 | Phạm Hồng Minh | 1982 | Chủ tịch HĐQT | Cử nhân kinh tế | 19,64% |
| 2 | Dương Hải Thanh | 1968 | Thành viên HĐQT | Kỹ sư công trình thủy | 14,77% |
| 3 | Trịnh Đình Kiên | 1969 | Thành viên HĐQT | Kỹ sư công trình thủy | 8,46% |
| 4 | Trần Văn Ôn | 1970 | Thành viên HĐQT | Cử nhân Kinh tế | 7,33% |
| 5 | Nguyễn Phi Trường | 1966 | Thành viên HĐQT | Cử nhân kinh tế | 6,40% |
| 6 | Vũ Xuân Trường | 1978 | Thành viên HĐQT | Kỹ sư công trình thủy | 7,12% |
| 7 | Nguyễn Văn Tặng | 1970 | Thành viên HĐQT | Kỹ sư công trình thủy | 5,64% |

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị:

1. Phạm Hồng Minh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

| Họ và tên | PHẠM HỒNG MINH | |
|---|--|--|
| - Số CCCD | 0270820061xx cấp ngày 18/10/2022 tại Cục CS QLHC về TTXH | |
| - Ngày sinh | 06/08/1982 | |
| - Quốc tịch | Việt Nam | |
| - Dân tộc | Kinh | |
| - Địa chỉ thường trú | Xã Trung Khê, Tỉnh Bắc Ninh | |
| - Địa chỉ hiện tại | Xã Trung Khê, Tỉnh Bắc Ninh | |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 | |
| - Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế | |
| - Quá trình công tác | | |
| T5/2006-T9/2009 | Nhân viên phòng kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4 | |
| T9/2009-T5/2011 | Phó phòng kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4 | |
| T6/2011-T9/2011 | Phụ trách phòng kế toán tài vụ Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4 | |
| T9/2011-T2/2015 | Kế toán trưởng Đoàn quản lý đường thủy nội địa số 4 | |
| 23/3/2015-25/4/2016 | Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 | |
| 25/4/2016 đến 18/6/2020 | Thành viên HĐQT – Phó Bí thư Đảng ủy - Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 | |
| 19/6/2020 đến 21/04/2022 | Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 – Phó Bí thư Đảng ủy - Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 | |
| Từ 22/4/2022 đến 31/5/2024 | Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027 – Phó Bí thư Đảng ủy - Giám đốc CTCP QLĐS số 4 | |
| - Từ 01/6/2024 đến nay | Chủ tịch HĐQT - Bí thư Đảng ủy CTCP QLĐS số 4 | |
| - Chức vụ hiện nay: | Chủ tịch HĐQT - Bí thư Đảng ủy CTCP QLĐS số 4 | |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không | |
| - Số lượng cổ phần sở hữu | 227.861 cổ phần chiếm 19,64% vốn Điều lệ | |
| - Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu | Không | |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không | |
| - Các khoản nợ đối với Công ty | Không | |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không | |

2. Dương Hải Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị

| | |
|--|--|
| Họ và tên | DƯƠNG HẢI THANH |
| Căn cước công dân số: | 0360680045xx cấp ngày 27/12/2021 do Cục Trưởng Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp. |
| Ngày sinh: | 04/04/1968 |
| Quốc tịch: | Việt Nam |
| Dân tộc: | Kinh |
| Địa chỉ thường trú: | Đội Cán – Phường Ngọc Hà – TP Hà Nội |
| Địa chỉ hiện tại: | Đội Cán – Phường Ngọc Hà – TP Hà Nội |
| Trình độ văn hóa: | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư công trình thủy, Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác: | |
| T1/1990-T3/1993 | Cán bộ kỹ thuật Đoạn QLĐTND số 4 |
| T4/1993-T11/1997 | Phó Trưởng phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐTND số 4 |
| T12/1997-T8/2004 | Trưởng phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐTND số 4 |
| T9/2004-T4/2011 | Phó trưởng phòng kế hoạch đầu tư; Tổ chức cán bộ; Quản lý phương tiện và thuyền viên; Quản lý hạ tầng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam; |
| T5/2011-T2/2015 | Giám đốc Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4 |
| T3/2015 –T4/2016 | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| T5/2016 – 18/6/2020 | Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| Từ 19/6/2020 – 21/04/2022 | Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025 ; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| Từ 22/4/2022 đến 31/5/2024 | Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027 ; Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 |
| Từ 01/6/2024 đến nay | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 |
| Chức vụ hiện nay: | Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu | 171.357 cổ phần chiếm 14,77% tổng vốn Điều lệ |
| Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đến Công ty | Không |

3. Giám đốc: Trịnh Đình Kiên – Thành viên HĐQT

| Họ và tên | TRỊNH ĐÌNH KIÊM |
|---|--|
| - Số CCCD | 0270690026xx cấp ngày 25/04/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 12/9/1969 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | TDP 5, Phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh |
| - Địa chỉ hiện tại | TDP 5, Phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Kỹ sư công trình thủy |
| - Quá trình công tác | |
| T5/1992-T10/2004 | Trạm QLĐTND Minh Đạo |
| T10/2004-T12/2004 | Trạm QLĐTND Kiều Lương |
| T12/2004-T12-2006 | Chuyên viên phòng Kỹ thuật – Đoàn QLĐTND số 4 |
| T12/2006-T2/2015 | Đội trưởng Đội Công trình – Đoàn QLĐTND số 4 |
| T3/2015 đến 05/02/2017 | Thành viên ban kiểm soát – Giám đốc xí nghiệp thương mại cơ khí công trình – Công ty CPQLBTĐTND số 4 |
| Từ 06/02/2017 đến 31/5/2024 | Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLĐS số 4 |
| Từ 01/6/2024 đến nay | Thành viên HĐQT- Giám đốc - Phó Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần QLĐS số 4. |
| Chức vụ hiện nay tại Công ty | Thành viên HĐQT- Giám đốc - Phó Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần QLĐS số 4. |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số lượng cổ phần đang nắm giữ | 98.119 cổ phần chiếm 8,46% Vốn Điều lệ |
| Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |

4. Nguyễn Phi Trường – Thành viên Hội đồng quản trị

| Họ và tên | NGUYỄN PHI TRƯỜNG |
|---|--|
| - Số CCCD | 0270660027xx cấp ngày 29/04/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 06/6/1966 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Khu Yên Mãn – Phường Kinh Bắc– Tỉnh Bắc Ninh |
| - Đại chỉ hiện tại | Khu Yên Mãn – Phường Kinh Bắc– Tỉnh Bắc Ninh |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| - Quá trình công tác | |
| T11/1992-T10/2000 | Nhân viên Phòng Kế toán – Tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4 |
| T11/2000-T12/2000 | Phó phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4 |
| T01/2001-T10/2006 | Trưởng phòng Kế toán tài vụ Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4 |
| T11/2006-T1/2012 | Kế toán trưởng Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4 |
| T2/2012-T2/2015 | Phó GD Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4 |
| T3/2015 đến 18/6/2020 | Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4 |
| 19/6/2020 đến 21/4/2022 | Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 – Phó Giám đốc; Đảng ủy viên Công ty cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 4. |
| Từ 22/4/2022 đến nay | Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027; Đảng ủy viên Công ty cổ phần QLĐS số 4. |
| Chức vụ hiện nay | Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027; Đảng ủy viên Công ty cổ phần QLĐS số 4. |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số lượng cổ phần sở hữu | 74.214 cổ phần chiếm 6,40% vốn Điều lệ |
| Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

5. Phó Giám đốc: Trần Văn Ôn – Thành viên HĐQT

| | |
|---|--|
| Họ và tên | TRẦN VĂN ÔN |
| - Số CCCD | 0360700085xx cấp ngày 13/04/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 09/01/1970 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | TDP 2 – Phường Võ Cường – Tỉnh Bắc Ninh. |
| - Địa chỉ hiện tại | TDP 2 – Phường Võ Cường – Tỉnh Bắc Ninh. |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| - Quá trình công tác | |
| T9/1992-T11/2002 | Công nhân các trạm quản lý đường sông: Minh Đạo; Bắc Giang; Hòa Long – Đoạn QLĐS số 4 |
| T12/2002-T12/2003 | Trạm phó phụ trách Trạm quản lý đường sông Bồ Hạ - Đoạn QLĐS số 4 |
| T01/2003-T7/2004 | Trạm trưởng Trạm QLĐS Bồ Hạ - Đoạn QLĐS số 4 |
| T8/2004-T6/2013 | Phó phòng kế hoạch vật tư – Đoạn QLĐS số 4; |
| T7/2013-T12/2015 | Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch Đoạn QLĐTND số 4 |
| T3/2015 – 05/02/2017 | Ủy viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kinh doanh – Dự án Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; |
| 06/02/2017 đến 21/4/2022 | Phó Giám đốc Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4 |
| - Từ 22/4/2022 đến nay | Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần QLĐS số 4; |
| - Chức vụ hiện nay | Thành viên HĐQT; Phó Giám đốc; Chủ tịch Hội cựu chiến binh Công ty cổ phần QLĐS số 4; |
| - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| - Số lượng cổ phần sở hữu | 85.045 cổ phần chiếm 7,33% Vốn điều lệ. |
| - Số lượng cổ phiếu đại diện chủ sở hữu | Không |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| - Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| - Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

2483
 3 TY
 HẢN
 V LÝ
 SÔN
 4
 C NINH

6. Nguyễn Văn Tặng – Thành viên Hội đồng quản trị

| Họ và tên | NGUYỄN VĂN TẶNG |
|---|--|
| - Số CCCD | 0270700086xx cấp ngày 18/12/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 03/05/1970 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Khu Phúc Sơn, Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh |
| - Địa chỉ hiện tại | Khu Phúc Sơn, Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Công trình thủy |
| - Quá trình công tác | |
| T9/1992-T12/1992 | Đội Khảo sát – Đoạn QLĐS số 4 |
| T1/1993-T12/1993 | Trạm QLĐS Minh Đạo – Đoạn QLĐS số 4 |
| T1/1994-T1/2004 | Phòng Kỹ thuật – Đoạn QLĐS số 4 |
| T2/2004-T3/2007 | Phó phòng kỹ thuật – Đoạn QLĐTND số 4 |
| T4/2007-T2/2005 | Trưởng phòng kỹ thuật – Đoạn QLĐTND số 4 |
| T3/2015 đến 22/2/2018 | Thành viên HĐQT – Trưởng phòng kỹ thuật Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| 23/2/2018 đến 18/6/2020 | Thành viên HĐQT – Trưởng Kinh doanh dự án 1 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| 19/6/2020 đến 29/2/2024 | Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 - 2025 - Đảng ủy viên - Trưởng phòng Kinh doanh dự án 1 Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4; |
| 01/3/2024 đến nay | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4; |
| Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty | Thành viên HĐQT Công ty cổ phần QLĐS số 4; |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số lượng cổ phần đang nắm giữ | 65.477 cổ phần chiếm 5,64% Vốn Điều lệ |
| Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

7. Vũ Xuân Trường – Thành viên Hội đồng quản trị

| | |
|---|--|
| Họ và tên | VŨ XUÂN TRƯỜNG |
| - Số CCCD | 0270780103xx; Ngày cấp: 25/06/2021; do Cục CSQLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 30/10/1978 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Khu Bò Sơn, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh |
| - Địa chỉ hiện tại | Khu Bò Sơn, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Cử nhân Kinh tế |
| - Quá trình công tác | |
| Từ tháng 11/2001 đến tháng 7/2003 | Công tác tại Đội công trình – Đoạn quản lý đường sông số 4 |
| Từ tháng 8/2003 đến tháng 8/2005 | Công tác tại Trạm Quản lý đường sông Bắc Giang |
| Từ tháng 8/2005 đến tháng 12/2008 | Công tác tại Trạm Quản lý đường sông Quang Châu |
| Từ tháng 01/2009 đến tháng 02/2011 | Công tác Tại Đội Công trình – Đoạn Quản lý ĐTNĐ số 4 |
| Từ tháng 3/2011 đến tháng 5/2015 | Công tác tại Phòng Kỹ thuật - Đoạn Quản lý ĐTNĐ số 4 |
| Từ tháng 5/2015 đến 29/2/2024 | Công tác tại Phòng Tài chính – Kế toán – Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| Từ 01/3/2024 đến nay | Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Kế toán Quản trị Công ty cổ phần QLĐS số 4. |
| Chức vụ hiện nay tại Công ty | Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Kế toán Quản trị Công ty cổ phần QLĐS số 4. |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số lượng cổ phần đang nắm giữ | 82.556 cổ phần chiếm 7,12% Vốn Điều lệ |
| Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | 525.000.000 đồng |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |



b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng của mình, kịp thời thảo luận để đưa ra phương hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị luôn cập nhật tình hình hoạt động của Công ty thông qua báo cáo của Ban Giám đốc giám sát việc thực hiện mục tiêu đã giao.

Thực hiện Nghị quyết số 350/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/07/2025 Nghị quyết Đại hội đồng cổ Đông thường niên năm 2025 về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 HĐQT đã lãnh đạo bám sát Điều lệ tổ chức, hoạt động.

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 Hội đồng quản trị tổ chức 8 cuộc họp với nội dung chủ yếu sau:

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------------|--------------------------|-------------------|---------------------|
| 1 | Ông Dương Hải Thanh | 8 | 100% | |
| 2 | Ông Phạm Hồng Minh | 8 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Phi Trường | 8 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Văn Tặng | 8 | 100% | |
| 5 | Ông Trần Văn Ôn | 8 | 100% | |
| 6 | Ông Trịnh Đình Kiên | 8 | 100% | |
| 7 | Ông Vũ Xuân Trường | 8 | 100% | |

1. Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT (Năm 2025)

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|-----------|--|-----------------|
| A | Nghị Quyết HĐQT | | | |
| 1 | 155/2025/NQ-HĐQT | 14/4/2025 | Thông qua việc chốt danh sách cổ đông ngày 15/4/2025 phục vụ tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty cổ phần QLDS số 4 năm 2025; | 100% |
| 2 | 188/2025/NQ-HĐQT | 13/5/2025 | Giao BGD xây dựng dự thảo Quy chế trả lương năm 2025; Thành lập hội đồng thanh lý tàu đắm 4CT16; Tổ chức Hội nghị người lao động trong | 100% |

| | | | | |
|----------|----------------------------|------------|--|------|
| | | | T5/2025; Tổ chức cho người lao động đi nghỉ dưỡng tại Miền Trung | |
| 3 | 622/2025/NQ-HĐQT | 19/12/2025 | Giao BGD điều chỉnh thu khoán xăng dầu năm 2025; Chấp thuận mua 02 xuồng công tác 75CV; Thanh lý tàu 33CV; | 100% |
| B | Quyết định HĐQT | | | |
| 1 | 32/QĐ-HĐQT | 24/01/2025 | QĐ Ban hành các Quy chế nội bộ Công ty cổ phần QLĐS số 4 | 100% |
| 2 | 196/QĐ-HĐQT | 14/5/2025 | QĐ Thành lập Hội đồng Thanh lý tàu đẩy 4CT16 số đăng ký BN 2101-329CV | 100% |
| 3 | 378/QĐ-HĐQT | 28/6/2025 | QĐ Ban hành Quy chế Lương, Thưởng Công ty CP QLĐS số 4 | 100% |
| 4 | 631/QĐ-HĐQT | 20/12/2025 | QĐ Thành lập Hội đồng thanh lý tàu công tác 4CT50-33CV | 100% |

Trong năm HĐQT đã thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Ban thường vụ Đảng ủy, Công đoàn Công ty để lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, có mối liên hệ chặt chẽ với Ban kiểm soát và cung cấp đầy đủ nghị quyết các cuộc họp HĐQT.

Mọi hoạt động Công ty đã thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ cũng như các quy chế trong từng lĩnh vực quản lý của Công ty.

Các quy chế đã thực hiện theo pháp luật, Điều lệ hoạt động và thực tiễn kinh doanh trong cơ chế thị trường cùng với sự ủy quyền cao nhất tạo điều kiện thông thoáng cho bộ máy viên chức lãnh đạo quản lý điều hành công ty.

- b) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.
- c) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Bảng 13: Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ | Trình độ chuyên môn | Chứng chỉ QLHCNN |
|----|-------------------|----------|-----------------|-----------------------|-------------------|
| 1 | Phạm Hồng Minh | 1982 | Chủ tịch HĐQT- | Cử nhân kinh tế | Chuyên viên |
| 2 | Dương Hải Thanh | 1968 | Thành viên HĐQT | Kỹ sư công trình thủy | Chuyên viên chính |
| 3 | Nguyễn Phi Trường | 1966 | Thành viên HĐQT | Cử nhân kinh tế | Chuyên viên chính |
| 4 | Trịnh Đình Kiên | 1969 | Thành viên HĐQT | Kỹ sư công trình thủy | Chuyên viên |
| 5 | Trần Văn Ôn | 1970 | Thành viên HĐQT | Cử nhân Kinh tế | Chuyên viên |
| 6 | Nguyễn Văn Tặng | 1970 | Thành viên HĐQT | Kỹ sư công trình thủy | Chuyên viên |
| 7 | Vũ Xuân Trường | 1978 | Thành viên HĐQT | Kỹ sư công trình thủy | Chuyên viên |

1.2. Ban Kiểm soát:

Bảng 14: Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027

| TT | Họ và tên | Năm sinh | Chức vụ | Trình độ chuyên môn | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|----|-----------------|----------|---------------|-----------------------|----------------------|
| 1 | Phạm Văn Hanh | 1971 | Trưởng ban KS | Kỹ sư Công trình thủy | 4,61% |
| 2 | Vũ Như Lập | 1965 | Thành viên | Kỹ sư Công trình thủy | 1,25% |
| 2 | Nguyễn Thị Hằng | 1981 | Thành viên | Cử nhân Kinh tế | 0,31% |

Lý lịch thành viên Ban kiểm soát:

1. Phạm Văn Hanh – Trưởng Ban kiểm soát

| | |
|---|--|
| Họ và tên | PHẠM VĂN HANH |
| - Số CCCD | 0240710029xx cấp ngày 10/05/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 20/11/1971 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Phường Kinh Bắc – Tỉnh Bắc Ninh |
| - Địa chỉ hiện tại | Phường Kinh Bắc – Tỉnh Bắc Ninh |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Kỹ sư công trình thủy |
| - Quá trình công tác | |
| T12/2002-T4/2007 | Trạm QLĐTND Bồ Hạ - Đoạn QLĐTND số 4 |
| T4/2007-T10/2009 | Trạm Phó Trạm QLĐTND Bồ Hạ - Đoạn QLĐTND số 4 |
| T10/2009-T2/2011 | Phó trạm trưởng phụ trách Trạm QLĐTND Bồ Hạ - Bí thư chi bộ sản xuất I -Đoạn QLĐTND số 4 |
| T2/2011-T9/2011 | Phó trưởng phòng TCHC – Đảng ủy viên Đoạn QLĐTND số 4 |
| T9/2011-T2/2015 | Đảng ủy viên – Bí thư chi bộ Văn phòng II, Trưởng phòng TCHC Đoạn QLĐTND số 4 |
| T3/2015 đến 23/04/2017 | Trưởng Ban kiểm soát – Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| 24/4/2017 đến 18/6/2020 | Thành viên HĐQT – Trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| 19/6/2020 đến nay 21/4/2022 | Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025; Ủy viên ban thường vụ; Trưởng phòng TCHC; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP QLBT ĐTNĐ số 4 |
| Từ 22/4/2022 đến 28/2/2024 | Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027; Ủy viên ban thường vụ; Trưởng phòng TCHC; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP QLĐS số 4 |
| Từ 01/4/2024 đến nay | Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027; Ủy viên ban thường vụ; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP QLĐS số 4 |
| Chức vụ Công ty hiện nay tại Công ty | Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022 – 2027; Ủy viên ban thường vụ; Chủ tịch Công đoàn Công ty CP QLĐS số 4 |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số lượng cổ phần đang nắm giữ | 53.458 cổ phần chiếm 4,61% Vốn Điều lệ |
| Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với C.ty | Không |

008824
 CÔNG T
 CỔ PH
 QUẢN L
 ĐNG S
 SỐ 4
 BẮC

2. Nguyễn Thị Hằng – Thành viên Ban kiểm soát

| | |
|---|--|
| Họ và tên | NGUYỄN THỊ HẰNG |
| - Số CCCD | 0271810013xx ngày cấp 15/04/2021 do Cục CS QLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 26/12/1981 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Số nhà 36, Phường Kinh Bắc – Tỉnh Bắc Ninh |
| - Địa chỉ hiện tại | Số nhà 36, Phường Kinh Bắc – Tỉnh Bắc Ninh |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| - Quá trình công tác | |
| Tháng 8/2003-15/10/2012 | Kế toán Tiết kiệm Bưu điện, Bưu điện Tỉnh Bắc Ninh |
| Từ 16/10/2012- 04/3/2015 | Nhân viên Đội Công trình – Đoạn Quản lý đường thủy nội địa số 4 |
| Từ 05/3/2015 đến 23/4/2017 | Nhân viên Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí - công trình – Công ty cổ phần QLBT ĐTNĐ số 4 |
| Từ 24/04/2017 – 11/2019 | Trưởng Ban kiểm soát – Nhân viên Xí nghiệp Thương mại, Cơ khí - công trình (Nay là Xí nghiệp thương mại Xăng dầu) – Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4. |
| T 12/2019 – 18/6/2020 | Trưởng Ban kiểm soát – PGĐ Xí nghiệp thương mại Xăng dầu - Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| 19/6/2020 đến 21/4/2022 | Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025 – PGĐ Xí nghiệp thương mại Xăng dầu - Công ty cổ phần quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 4 |
| Từ 22/4/2022 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 – PGĐ Chi nhánh Xăng dầu - Công ty cổ phần QLĐS số 4 |
| Chức vụ hiện nay tại Công ty | Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022 - 2027 – PGĐ Chi nhánh Xăng dầu - Công ty cổ phần QLĐS số 4 |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |
| Số lượng cổ phần đang nắm giữ | 3.626 cổ phần chiếm 0,31% Vốn Điều lệ |
| Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

3. Vũ Như Lập – Thành viên Ban kiểm soát

| Họ và tên | Vũ Như Lập |
|---------------------------------------|---|
| - Số CCCD | 0370650065xx cấp ngày 25/6/2021 do Cục CSQLHC về TTXH cấp |
| - Ngày sinh | 07/09/1965 |
| - Quốc tịch | Việt Nam |
| - Dân tộc | Kinh |
| - Địa chỉ thường trú | Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh |
| - Địa chỉ hiện tại | Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh |
| - Trình độ văn hóa | 12/12 |
| - Trình độ chuyên môn | Kỹ sư công trình thủy |
| - Quá trình công tác | |
| T10/1990 đến T10/1991 | Công nhân Đội khảo sát – XN quản lý GTĐT2 Hà Bắc |
| T11/1991 đến T2/1992 | Công nhân kỹ thuật Trạm QLĐTND Minh Đạo, Xí nghiệp QLGT đường thủy 2 |
| T3/1992 đến T12/1994 | Cán bộ kỹ thuật, UBKT Công đoàn, Bí thư Chi đoàn Thanh niên Văn phòng Đoàn ĐS số 4 |
| T1/1995 đến T8/1998 | Cán bộ kỹ thuật, UBKT Công đoàn, Phó Bí thư Đoàn TN Đoàn Đường sông số 4 |
| T9/1998 đến T6/2002 | Kết nạp Đảng ngày 07/9/1999; Văn phòng Đảng uỷ; CBKT; Ủy viên BCH Công đoàn; Bí thư Đoàn TN Đoàn QLĐS số 4 |
| T7/2002 đến T8/2005 | Đảng uỷ viên; CBKT; Ủy viên BTV; Chủ nhiệm UBKT Công đoàn. |
| T9/2005 đến T10/2010 | Đảng uỷ viên; Ủy viên UBKT Đảng uỷ; Phó Bí thư Chi bộ Văn phòng kiêm Văn phòng Đảng uỷ; CBKT; Ủy viên BTV; Chủ nhiệm UBKT Công đoàn |
| T8/2010 đến T8/2012 | Đảng uỷ viên; Ủy viên UBKT Đảng uỷ; Bí thư Chi bộ Văn phòng kiêm Văn phòng Đảng uỷ; CBKT; Ủy viên BTV; Chủ nhiệm UBKT Công đoàn |
| T9/2012 đến T2/2018 | Phó Phòng Kỹ thuật, Ủy viên UBKT Đảng uỷ |
| T3/2018 đến T3/2019 | Phó trưởng phòng phụ trách Phòng KD DA2, Ủy viên UBKT Đảng uỷ |
| T4/2019 đến 21/4/2022 | Phó chủ nhiệm UBKT Đảng uỷ; Trưởng Phòng KD DA2 |
| Từ 22/4/2022 đến nay | Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách nhiệm kỳ 2022 – 2025; Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng uỷ |
| Chức vụ hiện nay tại Công ty | Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách nhiệm kỳ 2022 – 2025; Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng uỷ |
| Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác | Không |

| | |
|---|--|
| Số lượng cổ phần đang nắm giữ | 14.504 cổ phần chiếm 1,25% Vốn Điều lệ |
| Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty | Không |
| Các khoản nợ đối với Công ty | Không |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty | Không |

a) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã họp định kỳ để tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

+ Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty; Giám sát việc thực thi pháp luật Công ty.

+ Kiểm tra đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót trong hệ thống quản lý nội bộ, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

+ Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

+ Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập, kiểm tra báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán để xem xét những ảnh hưởng sai sót kế toán kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính.

+ Những chất vấn, yêu cầu của một số cổ đông được giải quyết thấu đáo trong phạm vi quyền hạn và theo đúng quy định của pháp luật.

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại đơn vị thành viên Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán ngày 31/12/2025:

- Thu nhập của Giám đốc: 395.186.920 đồng
- Thu nhập của các thành viên khác trong Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: 2.281.675.072 đồng.

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: cổ phần
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: cổ phần.
d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã triển khai xây dựng và hệ thống nội quy, quy chế về quản trị giúp Ban Giám đốc điều hành quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, được kiểm soát một cách hiệu quả và quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Khuyến khích việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực, mặt khác đưa ra các yêu cầu về trách nhiệm giải trình trong việc quản lý về kiểm soát các nguồn lực nhằm đạt được sự hài hòa tối đa giữa lợi ích của cá nhân, của công ty và của xã hội.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán và định giá ASCO lập cho kỳ hoạt động từ 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 được lập ngày 21 tháng 4 năm 2026 từ trang 01 đến trang 35: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Quản lý đường sông số 4 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Nội dung Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 được đăng tải trên website của Công ty : www.inwama4.vn

Nơi nhận:

- Đăng trên Websits Công ty;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT; thư ký HĐQT.

CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Hồng Minh